

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 142/2020/DS-ST

Ngày: 15-9-2020.

V/v: “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Qui

Ông Trần Minh Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị T Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện K sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc, K sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về Đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Khu vực X, phường T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, sinh năm: 1953

Địa chỉ: Khu vực X, phường T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Chị Lưu Thị T.

Địa chỉ: Khu vực X, phường T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

- Người làm chứng: Bà Phùng Thị K

Địa chỉ: Khu vực X, phường T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh H trình bày: Cuối năm 2018 chị T có mượn của chị Th 02 lần tổng cộng 35.000.000 đồng, sau đó chị T có trả được 13.500.000 đồng còn lại 21.500.000 đồng chị T hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện. Nay chị Th khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền còn nợ 21.500.000 đồng trong thời gian sớm nhất.

Bị đơn Lưu Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không lý do, nên Tòa án không ghi được lời khai của chị T.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ba Phùng Thị K trình bày: Bà K là mẹ ruột của chị T, chị T hiện nay đang sống chung với bà K, việc chị T mượn tiền của chị Th thì bà có biết, chị T có mượn của chị Th 02 lần và có trả, còn nợ lại 21.500.000 đồng. Chị Th có đến nhà yêu cầu chị T trả nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn chị T và bà K có xin hứa trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nay chị Th khởi kiện thì bà K cũng xin hứa mỗi tháng bà K và chị T sẽ trả cho chị Th 500.000 đồng như đã hứa trước đây.

Tại phiên tòa K sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Qua K sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện K sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn và người làm chứng chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72, 78 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện K sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Lưu Thị T trả số tiền còn nợ 21.500.000 đồng cho chị Th; Về án phí bị đơn pH chịu theo quy định

pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Đòi lại tài sản” theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lưu Thị T và người làm chứng Phùng Thị K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người làm chứng trên.

[3] Về nội dung: Năm 2018 chị Nguyễn Thị Th có cho chị T mượn 35.000.000 đồng, sau khi trả nhiều lần thì chị T còn nợ lại 21.500.000 đồng. Chị Th yêu cầu chị T trả số tiền còn nợ trong thời gian sớm nhất.

[3.1] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành mời chị T đến nhiều lần để cung cấp chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng chị T vắng mặt không có lý do, xem như chị T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng Phùng Thị K là mẹ ruột và đang sống chung nhà với chị T xác nhận chị T có mượn và còn nợ lại 21.500.000 đồng của chị Th, đây là chứng cứ được quy định tại Điều 94, Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó Hội đồng xét xử xác định chị T còn nợ 21.500.000 đồng của bà Th là đúng sự thật. Việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm thiệt thòi đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó việc nguyên đơn Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu chị Lưu Thị T trả số tiền còn nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong giai đoạn xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Lưu Thị T pH chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 351, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Th

[2] Buộc bị đơn Lưu Thị T trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Th số tiền 21.500.000 đồng (*hai mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng*).

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu lãi suất chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Lưu Thị T pH chịu 1.075.000 đồng (*Một triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Nguyên đơn Nguyễn Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000334 phiếu lập ngày 16/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn Lưu Thị T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đào Thị Thủy

